

Số: **99** /NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương; phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2022 và phương án sử dụng tăng thu, kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019;

Xét Tờ trình số 3390/TTr-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương, phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2022 tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022, như sau:

1. Bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2022 tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 77/NQ- HĐND:

“10. Ngân sách cấp tỉnh bố trí nguồn lực hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố kinh phí xây dựng và chi phí thiết bị (nếu có) để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học công lập nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển ngành giáo dục, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo hoàn thành mục tiêu: Đến năm 2025, mỗi huyện có một trường học công lập theo tiêu chí chất lượng cao ở mỗi cấp học giáo dục phổ thông; mỗi thành phố, thị xã có một trường trung học phổ thông công lập theo tiêu chí chất lượng cao.

Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí giải phóng mặt bằng và chi phí dự phòng để hoàn thành dự án, đảm bảo thực hiện nhanh, tiết kiệm và hiệu quả. Mức vốn hỗ trợ cho các thành phố, thị xã được tính toán theo tỷ lệ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh hàng năm.”

2. Phân bổ, điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp tỉnh tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND và Nghị quyết số 81/NQ-HĐND:

2.1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh: 438.624 triệu đồng:

a) Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy và học, các đề án, nhiệm vụ ngành giáo dục: 238.624 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu số 01*), gồm:

- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp để xóa phòng học tạm, nhờ, mượn; nâng cấp nhà vệ sinh đạt chuẩn; sửa chữa nhà công vụ giáo viên: 49.590 triệu đồng.

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học, thay sách giáo khoa lớp 2, lớp 6: 189.034 triệu đồng.

b) Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế trên toàn tỉnh: 130.000 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu số 02*).

c) Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án khoa học kỹ thuật: 70.000 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu số 03*).

2.2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp tỉnh:

a) Điều chỉnh giảm 971.376 triệu đồng dự toán chi thường xuyên, gồm:

- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy và học, các đề án, nhiệm vụ ngành giáo dục: 721.376 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án khoa học kỹ thuật, sự nghiệp khoa học và công nghệ: 250.000 triệu đồng.

(*Chi tiết tại Biểu số 37-NĐ31*)

b) Điều chỉnh tăng 971.376 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm chi thường xuyên cho các nhiệm vụ:

- Bổ sung 165.000 triệu đồng kế hoạch vốn cho Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ chi tiết kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2022 cho 03 dự án đầu tư Trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện Bình Liêu và Ba Chẽ để hoàn thành tiêu chí về giáo dục trong xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ Dự án Trường Trung học phổ thông Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ: 48.000 triệu đồng.

+ Dự án Trường Trung học phổ thông Bình Liêu, huyện Bình Liêu: 75.000 triệu đồng.

+ Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàn Mô, huyện Bình Liêu: 42.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ thành phố Cẩm Phả để thực hiện Dự án Mở rộng, xây mới một số hạng mục trường trung học phổ thông Cẩm Phả (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng và dự phòng): 170.000 triệu đồng.

- Dự nguồn chi đầu tư phát triển: 636.376 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 04)

Điều 2. Phương án sử dụng nguồn tăng thu, kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2021 (1.463.287 triệu đồng) để thực hiện các dự án sau:

- Dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long (dự kiến bố trí 400.000 triệu đồng).

- Nguồn còn lại 1.063.287 triệu đồng dự kiến bố trí cho 02 dự án: Dự án Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 342 thuộc địa bàn huyện Ba Chẽ và Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phôi Quảng Ninh

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung số liệu, danh mục, nhiệm vụ, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo lộ trình của các đề án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tổ chức triển khai chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đúng quy trình, đủ thủ tục đầu tư, mua sắm trang thiết bị gắn trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương trước pháp luật đối với nội dung tham mưu, đề xuất, thẩm định, quản lý, sử dụng dự toán ngân sách được giao, đảm bảo hiệu lực, chất lượng, tiến độ, hoàn thành việc giải ngân đối với các nguồn kinh phí đã được phân bổ trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, không để tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thất thoát và tuyệt đối không để xảy ra tình trạng tồn dư dự toán lớn như năm 2021.

Đối với các dự án lĩnh vực giáo dục: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối đủ phần vốn phải đối ứng cho các dự án theo kế hoạch. Rà soát hoàn thiện thủ tục đầu tư của từng dự án và chịu trách nhiệm về việc đề xuất phân bổ nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách tỉnh; đề xuất bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Đồng thời chịu trách nhiệm triển khai đồng bộ, đảm bảo hoàn thành dự án theo tiến độ, chất lượng và tiêu chuẩn cao hơn trường đạt chuẩn quốc gia, tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; hoàn thành việc mua sắm trang thiết bị dạy học trước khai giảng năm học 2022 - 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát kỹ, chịu trách nhiệm hoàn thiện, cập nhật, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS(P1).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Kỳ



**KINH PHÍ SỬA CHỮA, BẢO TRÌ CƠ SỞ VẬT CHẤT,
MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC NGÀNH GIÁO DỤC**

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./.

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí mua sắm thiết bị, thay sách giáo khoa lớp 2, lớp 6	Sửa chữa, bảo trì thường xuyên phòng học, nhà công vụ giáo viên, nhà vệ sinh đạt chuẩn
	Tổng số	238.624	189.034	49.590
1	Thị xã Đông Triều	20.579	20.579	
2	Huyện Hải Hà	26.247	17.454	8.793
3	Huyện Vân Đồn	14.499	10.749	3.750
4	Thị xã Quảng Yên	23.479	16.893	6.586
5	Thành phố Uông Bí	15.698	15.698	
6	Thành phố Cẩm Phả	15.981	15.981	
7	Thành phố Hạ Long	35.153	35.153	
8	Huyện Đầm Hà	13.513	13.513	
9	Thành phố Móng Cái	19.042	19.042	
10	Huyện Ba Chẽ	14.471	8.271	6.200
11	Huyện Bình Liêu	513		513
12	Huyện Cô Tô	15.924	3.124	12.800
13	Huyện Tiên Yên	12.577	12.577	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.948		10.948



KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ NÂNG CAO NĂNG LỰC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./.

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Sửa chữa cơ sở vật chất			Mua sắm trang thiết bị			Sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện		
			Tổng	Y tế cơ sở tuyển huyện	Đơn vị tuyển tỉnh	Tổng	Y tế cơ sở tuyển huyện	Đơn vị tuyển tỉnh	Tổng	Y tế cơ sở tuyển huyện	Đơn vị tuyển tỉnh
	Tổng số	130.000	46.581	11.782	34.799	82.331	47.021	35.310	1.088	990	98
I	Tuyển cơ sở	59.793	11.782	11.782	-	47.021	47.021	-	990	990	-
1	Trung tâm Y tế huyện Cô Tô	2.398	-			1.408	1.408		990	990	
2	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	7.168	-			7.168	7.168				
3	Trung tâm Y tế huyện Hải Hà	5.075	-			5.075	5.075				
4	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	2.986	1.539	1.539		1.447	1.447				
5	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	4.016	1.432	1.432		2.584	2.584				
6	Trung tâm Y tế huyện Ba Chẽ	1.439	1.240	1.240		199	199				
7	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	2.180	-			2.180	2.180				
8	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	3.066	1.049	1.049		2.018	2.018				
9	Trung tâm Y thị xã Đông Triều	5.424	1.479	1.479		3.945	3.945				
10	Trung tâm Y thị xã Quảng Yên	4.125	-			4.125	4.125				
11	Trung tâm Y thành phố Uông Bí	1.994	-			1.994	1.994				
12	Trung tâm Y thành phố Hạ Long	259	-			259	259				
13	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	4.313	-			4.313	4.313				
14	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	12.676	5.043	5.043		7.633	7.633				
15	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long	2.674	-			2.674	2.674				
II	Tuyển tỉnh	70.207	34.799	-	34.799	35.310	-	35.310	98	-	98

W

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Sửa chữa cơ sở vật chất			Mua sắm trang thiết bị			Sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện		
			Tổng	Y tế cơ sở tuyến huyện	Đơn vị tuyến tỉnh	Tổng	Y tế cơ sở tuyến huyện	Đơn vị tuyến tỉnh	Tổng	Y tế cơ sở tuyến huyện	Đơn vị tuyến tỉnh
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	36.483	23.000		23.000	13.483		13.483	-		
2	Bệnh viện Bãi Cháy	17.764	2.247		2.247	15.517		15.517	-		
3	Bệnh viện Sản nhi Quảng Ninh	5.871	2.154		2.154	3.717		3.717	-		
4	Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh	1.084	-			1.084		1.084	-		
5	Trung tâm Kiểm nghiệm Quảng Ninh	8.003	7.398		7.398	605		605	-		
6	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu	908	-			810		810	98		98
7	Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ninh	95	-			95		95	-		

4



KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHOA HỌC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đã giải ngân	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ					70.000	
1	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh	696/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	2022-2023	375.433	916	50.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử từ các Sổ hộ tịch cũ tại địa phương, nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của tỉnh Quảng Ninh và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử quốc gia	1362/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	2022	20.496		20.000	Sở Tư pháp

Handwritten mark

DỰ TOÁN CHI TIẾT THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số **99**/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.



NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT SỐ 81/NQ-HĐND			ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH		
		Tổng số	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ
	TỔNG SỐ	5.396.915	1.573.615	383.800	-971.376	-721.376	-250.000	4.425.539	852.239	133.800
	<i>Trong đó:</i>									
B	Kinh phí không thường xuyên	3.719.774	1.219.806	383.800	-971.376	-721.376	-250.000	2.748.398	498.430	133.800
	<i>Trong đó:</i>									
III	Sự nghiệp Giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.219.806	1.219.806		-721.376	-721.376		498.430	498.430	
	<i>Trong đó:</i>									
5	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy và học, các đề án, nhiệm vụ ngành giáo dục	960.000	960.000		-721.376	-721.376		238.624	238.624	
IV	Sự nghiệp Khoa học và công nghệ	383.800		383.800	-250.000		-250.000	133.800		133.800
	<i>Trong đó:</i>									
2	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin	320.000		320.000	-250.000		-250.000	70.000		70.000

J

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH BỔ SUNG CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng/.



TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
	Tổng số					971.376		
1	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025				900.000	165.000	1.065.000	
	<i>Trong đó:</i>							
a	Dự án Trường THPT Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ. Hạng mục: Nhà học lý thuyết + bộ môn, nhà ở công vụ giáo viên + nhà bếp + nhà ở học sinh, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	938/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 (H)	2022-2023	60.670		48.000	48.000	UBND huyện Ba Chẽ
b	Trường THPT Bình Liêu, huyện Bình Liêu	1177/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 (H)	2022-2023	95.000		75.000	75.000	UBND huyện Bình Liêu
c	Trường THCS và THPT Hoàn Mô, huyện Bình Liêu	1178/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 (H)	2022-2023	52.000		42.000	42.000	UBND huyện Bình Liêu
2	Hỗ trợ cho thành phố Cẩm Phả thực hiện Dự án Mở rộng, xây mới một số HM trường THPT Cẩm Phả	352/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 (TP)	2022-2023	229.474		170.000	170.000	UBND TP Cẩm Phả
3	Dự nguồn chi đầu tư phát triển					636.376	636.376	

L